

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1

Tháng 12/2015

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.810	3.940				
2	102	8	4.910	5.097	187	1.965	367.380	
3	103	8	5.899	5.971	72	1.965	141.451	
4	104	8	4.527	4.651	124	1.965	243.610	
5	105	8	4.735	4.889	154	1.965	302.548	
6	106	8	4.051	4.126	75	1.965	147.345	
7	107	PSHC	1.739	1.755			0	
8	108		1.789	1.809			0	
9	109	7	2.404	2.517	113	1.965	222.000	
10	110	8	3.272	3.335	63	1.965	123.770	
11	111	8	2.934	3.015	81	1.965	159.133	
12	112	8	4.817	4.912	95	1.965	186.637	
13	113	7	3.772	3.923	151	1.965	296.655	
14	114	7	4.492	4.568	76	1.965	149.310	
15	201	8	2.846	2.932	86	1.965	168.956	
16	202	4	5.152	5.223	71	1.965	139.487	
17	203	8	4.140	4.294	154	1.965	302.548	
18	204	6	7.166	7.385	219	1.965	430.247	
19	205	8	5.259	5.356	97	1.965	190.566	
20	206	8	5.240	5.360	120	1.965	235.752	
21	207	6	3.185	3.273	88	1.965	172.885	
22	208	8	5.492	5.586	94	1.965	184.672	
23	209	8	5.287	5.376	89	1.965	174.849	
24	210	8	5.712	5.800	88	1.965	172.885	
25	211	8	5.135	5.208	73	1.965	143.416	
26	212	8	6.381	6.467	86	1.965	168.956	
27	213	8	6.300	6.394	94	1.965	184.672	
28	214	8	5.864	5.938	74	1.965	145.380	
29	301	1 SV ăn độ	5.062	5.094	32	1.965	62.867	
30	302	5	6.139	6.248	109	1.965	214.141	
31	303	7	5.745	5.853	108	1.965	212.177	
32	304	8	4.803	4.835	32	1.965	62.867	
33	305	7	5.972	6.097	125	1.965	245.575	
34	306	7	4.943	5.047	104	1.965	204.318	
35	307	PSHC	870	890		1.965	0	
36	308		675	691		1.965	0	
37	309	8	5.139	5.267	128	1.965	251.469	

38	310	8		6.324	6.383	59	1.965	115.911	
39	311	8		3.649	3.701	52	1.965	102.159	
40	312	8		4.717	4.812	95	1.965	186.637	
41	313	8		5.465	5.558	93	1.965	182.708	
42	314	8		6.019	6.094	75	1.965	147.345	
43	401	8		3.766	3.851	85	1.965	166.991	
44	402	8		4.403	4.510	107	1.965	210.212	
45	403	8		3.397	3.471	74	1.965	145.380	
46	404	8		3.444	3.501	57	1.965	111.982	
47	405	1		4.557	4.654	97	1.965	190.566	
48	406	8		6.572	6.662	90	1.965	176.814	
49	407	8		5.969	6.058	89	1.965	174.849	
50	408	8		4.101	4.109	8	1.965	15.717	
51	409	7		5.727	5.853	126	1.965	247.540	
52	410	8		3.671	3.737	66	1.965	129.664	
53	411	8		4.821	4.907	86	1.965	168.956	
54	412	8		6.024	6.097	73	1.965	143.416	
55	413	8		3.875	3.929	54	1.965	106.088	
56	414	8		4.835	4.929	94	1.965	184.672	
57	501	7		2.813	2.909	96	1.965	188.602	
58	502	8		4.625	4.672	47	1.965	92.336	
59	503	7		2.081	2.174	93	1.965	182.708	
60	504	8		3.246	3.381	135	1.965	265.221	
61	505	8		3.363	3.495	132	1.965	259.327	
62	506	1	SVNN TT	4.323	4.399	76	1.965	149.310	
63	507	3	CPC	3.034	3.064	30	1.965	58.938	
64	508	3	SVNN TT	8.900	9.033	133	1.965	261.292	
65	509	4	SVNN TT	5.102	5.147	45	1.965	88.407	
66	510	8		3.864	3.959	95	1.965	186.637	
67	511	8		6.433	6.488	55	1.965	108.053	
68	512	8		3.372	3.416	44	1.965	86.442	
69	513	8		3.244	3.348	104	1.965	204.318	
70	514	8		4.866	4.983	117	1.965	229.858	
	Cộng	465				5.944		11.677.582	

(Bằng chữ: Mười một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi hai đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 11.178.574 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà